TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: ……/2023/KDTM -PT

Ngày: 21/02/2023

V/v : Tranh chấp Hợp đồng bảo hiểm

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Linh.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thuý Hạnh

Bà Ngô Tuyết Băng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa*:** Bà Huỳnh Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 21/2/2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 189/2022/TLPT-KDTM ngày 09 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp Hợp đồng bảo hiểm do bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2022/KDTM-ST ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội bị kháng cáo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2023/QĐ-PT ngày 03 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Tổng công ty P (tên gọi cũ: Công ty P)

Trụ sở: phố T, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Hương G – Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Quang H theo Giấy uỷ quyền số 07/2022/GUQ-PJ ngày 5/7/2022; có mặt.

Bị đơn: Công ty I (tên gọi cũ: Công ty I) – viết tắt là Công ty I

Trụ sở: phường M, quận N, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật trước cơ quan tố tụng: Ông Vũ Hoàng T – Chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Bà Phùng Thuý H – Chức vụ: Phó Tổng giám đốc theo Giấy ủy quyền số 46/2023/GUQ ngày 17/02/2023; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại Đơn khởi kiện đề ngày 03/4/2013 và lời khai tại Tòa án, Nguyên đơn trình bày:**

1. Tóm tắt sự việc:

Ngày 15 tháng 01 năm 2010, Công ty P và Ban quản lý Dự án Đầu tư và Xây dựng các Công trình thể thao kỷ niệm 1000 năm Thăng Long – Hà Nội (sau đây gọi tắt là "**BQL Dự án**") ký kết Hợp đồng bảo hiểm số 24B/2010/HĐBH-BQL với các nội dung cơ bản như sau:

- Đối tượng bảo hiểm: Bảo hiểm mọi rủi ro trong xây dựng, lắp đặt và trách nhiệm đối với người thứ ba của Dự án đầu tư và xây dựng các công trình phụ trợ - Trung tâm đào tạo vận động viên cấp cao Hà Nội, giai đoạn 2; Địa điểm xây dựng công trình: Trung tâm đào tạo vận động viên cấp cao Hà Nội – Xã Mỹ Đình –H.Từ Liêm, Hà Nội.

- Bảo hiểm thiệt hại vật chất: Phần xây dựng: 126.919.124.000 đồng; Phần thiết bị: 30.197.376.000 đồng;

Tổng cộng: 157.116.500.000 đồng.

- Bảo hiểm trách nhiệm đối với bên thứ ba: Về người: giới hạn trách nhiệm 50 triệu VNĐ/mỗi người mọi vụ tổn thất, không giới hạn số vụ trong toàn bộ thời gian bảo hiểm; Về tài sản: giới hạn trách nhiệm 10 tỷ VNĐ/vụ tổn thất, không giới hạn số vụ trong toàn bộ thời gian bảo hiểm;

- Thời hạn bảo hiểm (thời gian thực hiện hợp đồng): Từ khi ngày khởi công công trình (ngày 28/9/2009) đến khi công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng cộng 24 tháng (thời gian bảo hành công trình) bảo hiểm mở rộng theo điều khoản bổ sung 004.

Trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng bảo hiểm, BQL Dự án đang thực hiện việc hoàn thành dự án theo đúng tiến độ trước khi kết thúc đại lễ 1000 năm Thăng Long – Hà Nội để chào mừng đại lễ và đón lãnh đạo cấp cao Nhà nước tới dự lễ khánh thành. Tuy nhiên, vào lúc 11giờ 40 ngày 06/10/2010, hai container chứa pháo hoa phía sau khán đài C – SVĐ quốc gia Mỹ Đình đã phát nổ dẫn đến sự kiện bị huỷ bỏ và gây ra tổn thất cho dự án được bảo hiểm.

Công ty P đã thực hiện đúng cam kết tại Hợp đồng bảo hiểm, bồi thường các tổn thất cho BQL Dự án với số tiền trị giá 291.651.283 đồng (*hai trăm chín mươi mốt triệu sáu trăm năm mươi mốt ngàn hai trăm tám mươi ba đồng)* và BQL Dự án đã có Công văn số 107/BQL ngày 09 tháng 09 năm 2011 chuyển cho Công ty P quyền truy đòi số tiền đã chi trả đối với bên thứ ba liên quan gây ra tổn thất.

BQL Dự án đã gửi văn bản số 117/BQL ngày 09/09/2011 và Công ty P đã gửi các văn bản số 2471/2011/P/TSKT ngày 26/12/2011 và văn bản số 314/2012/P/TSKT ngày 28/02/2012 cho Công ty I để yêu cầu hoàn trả lại số tiền bảo hiểm Công ty P đã chi trả cho BQL Dự án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Công ty I đã gửi văn bản số 125/CV-ĐTTM-DV ngày 16/03/2012 từ chối yêu cầu hoàn trả tiền bảo hiểm của Công ty P. Do đó, Công ty P đã làm đơn khởi kiện Công ty I để yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

2. Công ty I chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại

Đơn vị phụ trách việc nhập khẩu, vận chuyển, quản lý pháo hoa phục vụ Đại lễ 1000 năm Thăng Long – Hà Nội là Công ty I. Ngay sau khi vụ việc xảy ra, BQL Dự án đã tiến hành giám định các thiệt hại và theo kết luận của Tổ chức giám định tổn thất R, nguyên nhân tổn thất do áp lực lớn từ vụ nổ pháo hoa. Việc giám định tổn thất được tiến hành bởi Tổ chức R là đơn vị hoạt động độc lập để đảm bảo khách quan, công khai, minh bạch. Trong trường hợp, Công ty I không đồng ý với kết luận của Tổ chức giám định tổn thất R, căn cứ theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP: *"Việc chứng minh không có lỗi thuộc nghĩa vụ của người có trách nhiệm bồi thường thiệt hại"*. Do vậy, Công ty I có nghĩa vụ chứng minh sự kiện phát nổ hai container chứa pháo hoa phía sau khán đài C – SVĐ quốc gia Mỹ Đình không gây thiệt hại cho công trình xây dựng của BQL Dự án.

Căn cứ theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 17 Luật kinh doanh bảo hiểm 2000 về quyền của Doanh nghiệp bảo hiểm *"Yêu cầu người thứ ba bồi hoàn số tiền bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm đã bồi thường cho người được bảo hiểm do người thứ ba gây ra đối với tài sản và trách nhiệm dân sự"*; căn cứ theo quy định tại Điều 577 Bộ luật dân sự 2005 quy định về Chuyển yêu cầu hoàn trả: *"Trong trường hợp người thứ ba có lỗi mà gây thiệt hại cho bên được bảo hiểm và bên bảo hiểm đã trả tiền bảo hiểm cho bên được bảo hiểm thì bên bảo hiểm có quyền yêu cầu người thứ ba hoàn trả khoản tiền mà mình đã trả. Bên được bảo hiểm có nghĩa vụ phải cung cấp cho bên bảo hiểm mọi tin tức, tài liệu, bằng chứng cần thiết mà mình biết để bên bảo hiểm thực hiện quyền yêu cầu đối với người thứ ba"*, Công ty P có quyền yêu cầu bên thứ ba là bên có lỗi gây ra thiệt hại cho BQL Dự án phải hoàn trả khoản tiền mà Công ty P đã trả cho BQL Dự án.

Công ty I là đơn vị sở hữu, vận chuyển, quản lý nguồn hai container chứa pháo hoa đã phát nổ gây thiệt hại cho BQL Dự án. Theo quy định tại khoản 3 Điều 623 Bộ luật dân sự 2005, Chủ sở hữu, người được chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ giao chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ phải bồi thường thiệt hại ngay cả khi không có lỗi, trừ các trường hợp sau: *"Thiệt hại xảy ra hoàn toàn do lỗi của người bị thiệt hại, Thiệt hại xảy ra trong trường hợp bất khả kháng hoặc tình thế cấp thiết…"*. Do vậy, trong vụ án này, Công ty I có nghĩa vụ phải *"bồi thường thiệt hại do nguồn cao độ gây ra"* cho Công ty P ngay cả khi không có lỗi.

3. Công ty I không đủ điều kiện vận chuyển hàng nguy hiểm về cháy, nổ

Theo quy định tại Điều VIII Cấp phép vận chuyển chất, hàng nguy hiểm về cháy, nổ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an *"Phương tiện giao thông cơ giới khi vận chuyển chất, hàng nguy hiểm về cháy, nổ quy định tại Phụ lục 2 Thông tư này phải bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy theo quy định và phải có giấy phép vận chuyển do cơ quan Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy cấp…"*. Tại thời điểm đó, Công ty I chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu lao động, việc Công ty I nhập khẩu, chiếm hữu, vận chuyển số lượng lớn hàng nguy hiểm về cháy nổ phải phải bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy theo quy định và phải có giấy phép vận chuyển do Bộ Công An cấp. Do vậy, Công ty I có thể chưa có kinh nghiệm trong việc nhập khẩu, vận chuyển số lượng lớn hàng nguy hiểm về cháy nổ nói trên và chưa đáp ứng được các quy định của pháp luật, dẫn đến hậu quả nghiêm trọng nói trên.

Theo quy định khoản 4 Điều 623 Bộ luật dân sự 2005: *"Trong trường hợp nguồn nguy hiểm cao độ bị chiếm hữu, sử dụng trái pháp luật thì người đang chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ trái pháp luật phải bồi thường thiệt hại.*

Khi chủ sở hữu, người được chủ sở hữu giao chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ cũng có lỗi trong việc để nguồn nguy hiểm cao độ bị chiếm hữu, sử dụng trái pháp luật thì phải liên đới bồi thường thiệt hại."

Trong trường hợp, Công ty I nhập khẩu, chiếm hữu, vận chuyển số lượng lớn nguồn nguy hiểm cao độ *(2 thùng container pháo hoa)* trái pháp luật thì Công ty I phải bồi thường thiệt hại.

4. Số tiền Công ty I phải thanh toán cho Công ty P

Theo quy định tại khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự 2005 Trách nhiệm dân sự do chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự: *"Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác".*

Do vậy, Công ty I có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi của số tiền bảo hiểm Công ty P đã trả cho BQL Dự án với lãi suất 9% kể từ ngày Công ty P gửi văn bản số số 2471/2011/P/TSKT ngày 26/12/2011 để yêu cầu Công ty I hoàn trả lại số tiền bảo hiểm nói trên. Tạm tính đến ngày 25/7/2022:

Số nợ gốc: 291.651.283 đồng.

Lãi (10 năm 06 tháng 28 ngày): 308.502.246 đồng.

Tổng số tiền là: 600.153.529 đồng.

*** Bị đơn : Công ty I:** Chúng tôi không ký kết với Công ty P bất kỳ hợp đồng nào do đó việc xác định chúng tôi là bị đơn trong vụ kiện " Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm" là chưa đúng. Đề nghị tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện trong vụ kiện này (thời kiện khởi kiện đòi yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng), cùng sự việc này công ty Công ty I không có lỗi, việc xác định Công ty I là chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ là chưa có căn cứ trong hồ sơ khởi kiện. Đề nghị HĐXX bác yêu cầu của nguyên đơn

Tại bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 26/2022/KDTM-ST ngày 25/7/2022 của Toà án nhân dân quận Nam Từ Liêm đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện Công ty P đối với Công ty I như sau:

Buộc Công ty I bồi thường số tiền cho Công ty P. Tổng số tiền là: 600.153.529 đồng. Trong đó số tiền nợ gốc: 291.651.283 đồng. Số tiền Lãi (10 năm 06 tháng 28 ngày): 308.502.246 đồng .

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án dân sự của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả đối với số tiền chưa thi hành xong theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 4/8/2022 Công ty I có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện của nguyên đơn và bị đơn thống nhất thỏa thuận về việc giải quyết tranh chấp. Cụ thể:

Bị đơn đồng ý trả nguyên đơn số tiền 350.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 291.651.283 đồng và 58.348.717 đồng tiền lãi.

Số tiền lãi còn lại 250.153.529 đồng, nguyên đơn đồng ý miễn cho bị đơn.

Án phí: Bị đơn đồng ý chịu toàn bộ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và thời hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết nội dung vụ án, việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự sửa án sơ thẩm, ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết qủa tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất đề nghị Tòa án công nhận những nội dung thỏa thuận như sau:

Bị đơn đồng ý thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc là 291.651.283 đồng và 58.348.717 đồng tiền lãi.

Số tiền lãi còn lại là 250.153.529 đồng nguyên đơn đồng ý miễn cho bị đơn.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm bị đơn đồng ý chịu toàn bộ.

Xét thấy: Việc thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Căn cứ điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Do sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điều 48, điều 300, khoản 2 điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Sửa bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 26/2022/KDTM-ST ngày 25/7/2022 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Công nhận sự thỏa thuận của Công ty P và Công ty I, cụ thể:

1. Công ty I đồng ý thanh toán tiền bồi thường thiệt hại theo Hợp đồng bảo hiểm số 24B/2010/HĐBH-BQL ngày 15 tháng 01 năm 2010 cho Công ty P là 350.000.000 đồng. Trong đó tiền gốc là 291.651.283 đồng và tiền lãi là 58.348.717 đồng.

Số tiền lãi còn lại là 250.153.529 đồng, Công ty P đồng ý miễn cho bị đơn.

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Công ty I phải chịu 17.500.000 đồng tiền án phí KDTM sơ thẩm và không phải chịu án phí phúc thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 2.000.000 đồng theo biên lai số AA/2020/0034553 ngày 16/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm. Công ty I còn phải nộp 15.500.000 đồng.

Công ty P không phải chịu án phí KDTM sơ thẩm và phúc thẩm. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm Công ty P đã nộp 7.000.000 đồng theo biên lai số AP/2010/0004738 ngày 14/6/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có Hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSND Thành phố Hà Nội;*
- *TAND quận Nam Từ Liêm;*
- *VKSND quận Nam Từ Liêm;*
- *Cục THADS TP Hà Nội;*
- *Chi cục THADS quận Nam Từ Liêm;*
- *Đương sự;*
- *Lưu HS, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thuý Linh